TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-PT
Ngày: 25 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn Út N, sinh năm 1978 (Có mặt).
Địa chỉ: Số A Ấp K, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.
2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị N1, sinh năm 1953 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Đỗ Thị N1: Luật sư Nguyễn Văn N2 – Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Địa chỉ: 3 Quốc lộ A, Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Đỗ Thị N1.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út N trình bày:

Vào năm 2017 ông N có hợp đồng với bà N1 về việc san lấp mặt bằng đổ đất lấp ao tôm. Việc hợp đồng chỉ nói miệng, không có làm văn bản, thời gian hai bên thỏa thuận là khi nào ông N san lấp mặt bằng xong thì bà N1 sẽ trả công cho ông N bằng đất là bà N1 cắt cho ông N phần đất nền nhà chiều ngang 7m, dài 42m trong phần đất ao tôm nêu trên của bà N1 chứ không thỏa thuận ngày tháng phải hoàn tất công việc. Nhưng do khi ông chưa đổ đất san lấp xong thì tháng 10/2020 bà N1 đã thuê người khác đỗ tiếp tục phần đất ông N chưa đỗ để cất nhà và cũng không thanh toán cho ông phần đất như đã hứa. Vì vậy nay ông N yêu cầu bà N1 phải hoàn trả cho ông phần tiền ông đã đổ đất cho bà N1 cụ thể như sau:

Phần thứ nhất là phần đất ao tôm của bà N1 có vị trí từ nhà ông Hoàn D qua nhà ông Mỹ D1 chiều ngang 34m, dài 54m có độ sâu ao là 1,8m, độ dẽ 1,2, khối lượng đất là 3.965 khối đất, giá mỗi khối là 130.000 đồng/khối, thành tiền là 515.548.000 đồng. Có đổ thêm 01 nền nhà cũ của bà N1 ngang 10m, dài 64m, độ sâu 0,8m, độ dẽ 1.2, với khối lượng 512 khối đất, giá mỗi khối là 130.000 đồng bằng tiền 66.560.000 đồng. Phần đất ao tôm có vị trí từ nhà ông S qua tới phần mộ chồng bà N1 có chiều ngang 40m, dài 12m, cao 1,2m, độ dẽ 1,2, số khối đất ông đổ là 691.2 khối, giá mỗi khối là 130.000.000 đồng, thành tiền là 89.856.000 đồng. Tổng cộng số khối đất ông N đã đổ quy thành tiền là 671.964.000 đồng. Nay ông N yêu cầu bà N1 hoàn trả cho ông số tiền là 671.964.000 đồng. Tại phiên tòa ông N yêu cầu khởi kiện bổ sung là buộc bà N1 phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi pháp luật quy định tính từ ngày vi phạm hợp đồng là tháng 11/2020 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm và ông N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về diện tích đất mà ông N đã san lấp mặt bằng cho bà N1 theo diện tích đo đạc thực tế trong biên bản thẩm định ngày 24/11/2022 của Tòa án.

- *Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị N1 trình bày*: Trước đây vào năm 2016 bà có hợp đồng với ông N để đổ đất lấp ao tôm để làm nhà như ông N trình bày, hợp đồng miệng, không làm giấy tờ, tiền công đổ đất là bà N1 sẽ cho ông N 01 phần đất nền nhà có chiều ngang 7m, dài khoảng 42m nhưng do ông N kéo dài thời gian quá lâu nên vào năm 2020 bà N1 thuê người khác đổ đất cao lên để cất 02 căn nhà trong phần ao tôm có vị trí từ H qua Mỹ D, còn phần đất ao tôm có vị trí từ nhà ông S qua mộ chồng của bà thì ông N chỉ đổ được 20% trong tổng diện tích bà đã hợp đồng với ông N, phần

còn lại thì bà đã thuê người khác đổ đất san lấp xong phần ao này. Nay bà N1 chỉ thống nhất hoàn trả cho ông N số tiền là 200.000.000 đồng không thống nhất hoàn trả số tiền 671.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của ông N.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, thụ lý giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023, đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357; Điều 513, Điều 517; Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út N.

Buộc bà bà Đỗ Thị N1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út N số tiền nợ vốn và lãi là 511.027.000 đồng (trong này vốn là 425.490.000 đồng, lãi là 85.537.948 đồng).

* Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 26/01/2023 bị đơn Đỗ Thị N1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm: Thẩm định để xác định khối lượng đất mà ông N đã thực hiện; xác định giá trung bình của 01m^3 đất lấp ao; xác định số đất ông N nhận từ ông Tô Văn Đ để khấu trừ vào phần đất ông N đã đổ; Sửa bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, bị đơn chỉ đồng ý trả cho ông N số lượng m^3 theo thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm, khấu trừ 1.500m^3 ông N nhận từ ông Đ, giá đất tính theo giá trung bình của năm 2017.

* Tại Quyết định Kháng nghị số 02/QĐ-VKS-MX ngày 19/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã kháng nghị bản án số: 04/2023/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên như sau:

1. Khi tính tổng khối lượng ông N đã thực hiện nhân cho hệ số 1,2, bản án đã căn cứ vào Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 quy định về mức xây dựng để xác định tổng khối lượng đất theo công thức chung: (*chiều dài x chiều rộng x chiều cao x độ chặt, độ dẽ của đất*) là không có cơ sở. Bởi lẽ: Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ X quy định về mức xây dựng hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Tại Điều 1 Nghị định số

10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: *1. Nghị định này quy định về quản lý, chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn Nhà nước ngoài đầu tư công, dự án theo phương thức đối tác công tư…2. Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắc là ODA)....* Từ những quy định trên cho thấy Bản án áp dụng Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 là không đúng đối tượng điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật. Vì tranh chấp giữa nguyên đơn Nhỏ với bị đơn N1 là công trình dân sự thông thường giữa người dân với nhau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ X.

2. Về hệ số độ dẽ của đất: Tòa án căn cứ vào trình bày của đương sự khi san lấp mặt bằng cần khấu hao độ dẽ của đất là 1,2 nhưng không trưng cầu giám định độ đầm nén của đất để làm căn cứ mà chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn lấy tổng khối lượng nhân với hệ số 1,2 là không đảm bảo tính khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

3. Nguyên đơn Nhỏ và bị đơn N1 đều thừa nhận đối với nền nhà cũ chiều ngang 12m chiều dài 52,7m vào năm 2020 bà N1 có thuê ông Phan Thanh V đổ thêm khoảng 170m^3 nhưng cấp sơ thẩm không khấu trừ cho bị đơn là có thiếu sót.

4. Tòa án không tiến hành định giá tài sản đối với khối lượng đất để làm căn cứ giải quyết vụ án là vi phạm Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự không thống nhất được giá 01m^3 đất. Tòa án thu thập chứng cứ khảo sát giá thị trường nhưng không lấy giá trung bình mà lấy giá cao nhất là 130.000 đồng/m^3 là không khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

5. Về thời gian tính lãi chậm thanh toán: Các đương sự thừa nhận khi thỏa thuận san lấp mặt bằng, tiền công thực hiện bà N1 sẽ thanh toán cho ông N bằng 07m đất ngang chạy dài hết đất. Khi các bên vi phạm hợp đồng với nhau thì không có thỏa thuận nào khác về cách thức thanh toán, số tiền thanh toán và thời hạn chấm dứt hợp đồng. Đến ngày 08/5/2022 nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không đồng ý, nhưng cấp sơ thẩm lại xác định ngày tính lãi là ngày 01/12/2020 là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm: Lỗi dẫn đến hợp đồng không thực hiện được là do nguyên đơn, chứ không phải bị đơn, nguyên đơn đổ đất kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến việc xây dựng nhà của bị đơn, nên không thể tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Về tính khối lượng tổng cộng nguyên đơn san lấp chỉ khoảng 2.000m^3 và do đổ đất cặp lộ nên giá tính là giá thấp nhất 80.000 đồng/01m^3, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 162.800.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trả bằng đất khi nguyên đơn đổ đất xong cho bị đơn thì bị đơn trả bằng đất với 7m ngang chạy dài hết đất, nhưng nguyên đơn đổ không đến 40%. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 162.800.000 đồng hoặc 2,6m đất chiều ngang chạy dài hết đất.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N1 và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N1 là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền kháng nghị, nội dung và hình thức quyết định kháng nghị, thời hạn kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm: Thẩm định để xác định khối lượng đất mà ông Nguyễn Văn Út N đã thực hiện nhận thấy trong giai đoạn

xét xử phúc thẩm bị đơn có đơn yêu cầu thẩm định để xác định lại khối lượng đất nguyên đơn đã đổ, tại biên bản thẩm định ngày 24/4/2023 và tại kết quả xác định khối lượng đất đã đổ ngày 05/5/2023 của Công ty TNHH H thì khối lượng đất ông N đã đổ tổng cộng là 2.710,6m^3. Tòa án đã thông báo kết quả cho các đương sự biết và không có đương sự nào có ý kiến về kết quả này và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất với kết quả thẩm định trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số lượng đất ông Nguyễn Văn Út N đã san lấp cho bà N1 là 2.710,6m^3.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên về tính giá 1m^3 đất cấp sơ thẩm không tính giá trung bình qua khảo giá mà lấy giá cao nhất để tính là thiệt hại quyền lợi của bị đơn và bị đơn yêu cầu lấy giá trung bình vào năm 2017, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngay từ lúc thỏa thuận ban đầu các đương sự không có thỏa thuận giá cụ thể 01m^3 là bao nhiêu, nguyên đơn đã đổ đất cho bị đơn từ năm 2017 đến nay bị đơn vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn nên không thể lấy giá trung bình vào năm 2017 để tính theo yêu cầu của bị đơn. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành định giá mà lấy giá tham khảo theo mức cao nhất là 130.000 đồng/01m^3 là không chính xác. Tuy nhiên, nguyên đơn đã đổ đất cho bị đơn từ năm 2017 đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Theo các biên bản khảo giá của cấp sơ thẩm là giá từ năm 2020 trở về trước, tại biên bản xác minh ngày 06/01/2023 (bút lục 60) ông Đặng Văn K trình bày: Giá đất san lấp mặt bằng thời điểm năm 2020 có giá khoảng 100.000 đồng/01m^3 đến 120.000 đồng/01m^3, còn thời điểm hiện nay có giá khoảng 150.000 đồng/01m^3 đến 160.000 đồng/01m^3. Do đó, cấp sơ thẩm lấy giá 130.000 đồng/01m^3 để giải quyết vụ án là có cơ sở, ngoài ra tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 của nguyên đơn cũng yêu cầu tính giá 01m^3 là 130.000 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không có ý kiến gì về vấn đề này và cũng không yêu cầu định giá. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3.3] Đối với kháng cáo chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Út N, bị đơn chỉ đồng ý trả cho ông N số lượng m^3 theo thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm, khấu trừ 1.500m^3 ông N nhận từ ông Đ, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chứng minh được ông N lấy đất của ông Đ là bao nhiêu m^3 và đổ bao nhiêu xe. Do đó, kháng cáo này của bị đơn là không có căn cứ.

[4] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với kháng nghị về Tòa án cấp sơ thẩm tính độ dẽ của đất là 1,2 nhưng không trưng cầu giám định độ đầm nén của đất để làm căn cứ mà chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn lấy tổng khối lượng nhân với hệ số 1,2 là không đảm bảo tính khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp sơ thẩm căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 quy định về mức xây dựng để xác định tổng khối lượng đất theo công thức chung: (*chiều dài x chiều rộng x chiều cao x độ chặt, độ dẽ của đất*) là không phù hợp không đúng đối tượng điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật. Vì tranh chấp giữa nguyên đơn Nhỏ với bị đơn N1 là công trình dân sự thông thường giữa người dân với nhau. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy định về tính độ dẽ của đất đối với các công trình dân sự thông thường, nhưng trên thực tế thì độ dẽ của đất là có xảy ra, ông N đã đổ đất cho bị đơn N1 từ năm 2017 cho đến nay thì độ dẽ thực tế của đất còn cao hơn mức 1,2. Do đó, cấp sơ thẩm lấy tổng khối lượng nhân với hệ số 1,2 để tính là có căn cứ phù hợp với thực tế và công bằng trong giao dịch dân sự, không để nguyên đơn bị thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

[4.2] Đối với kháng nghị: Nguyên đơn Nhỏ và bị đơn N1 đều thừa nhận đối với nền nhà cũ chiều ngang 12 m chiều dài 52,7m vào năm 2020 bà N1 có thuê ông Phan Thanh V đổ thêm khoảng 170m^3 nhưng cấp sơ thẩm không khấu trừ cho bị đơn là có thiếu sót. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản phiên tòa (bút lục 88) nguyên đơn Nguyễn Văn Út N không đồng ý trừ phần 170m^3 mà ông V đã đổ và tại biên bản xác minh ngày 24/11/2022 (bút lục 58) ông Phan Thanh V trình bày là đổ cho bà N1 khoảng 170m^3 để nâng cao một nền nhà ngang 10m dài 64m, nhưng theo kết quả xác định khối lượng đất đã đổ ngày 05/5/2023 của Công ty TNHH H thì khối lượng đất ông N đã đổ tổng cộng là 2.710,6m^3 là có 399,4m^3 trên nền nhà có diện tích 499,2m^2 (và hiện nay bị đơn Nga đã xây dựng nhà), còn theo ông V trình bày đã đổ khoảng 170m^3 cho diện tích trên thì độ cao ông Vũ đ không đến 02 tấc. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị này của viện kiểm sát.

[4.3] Đối với kháng nghị về thời gian tính lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi các bên vi phạm hợp đồng với nhau thì không có thỏa thuận nào khác về cách thức thanh toán, số tiền thanh toán và thời hạn chấm dứt hợp đồng. Đến ngày 08/5/2022 nguyên đơn mới yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không đồng ý, nhưng cấp sơ thẩm lại xác định ngày tính lãi là ngày 01/12/2020 là không phù hợp. Cần phải xác định ngày tính lãi là ngày 08/5/2022 mới chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[5] Từ những căn cứ phân nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần

kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N1 và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

[5.1] Về khối lượng đất ông N đã san lấp cho bà N1, tổng cộng là 2.710,6m^3 x 1.2 = 3.252,7m^3

[5.2] Về giá 1 m^3 đất san lấp là 130.000 đồng, quy ra tiền là: 3.252,7m^3 x 130.000 đồng = 422.851.000 đồng.

[5.3] Về tính lãi suất: Lãi suất được tính từ ngày 08/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/01/2023, là 08 tháng 03 ngày với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể được tính như sau: (422.851.000 đồng x 0,83 x 08 tháng 03 ngày) = 28.425.270 đồng.

[6] Tổng cộng bị đơn N1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn N3 là (422.851.000 đồng + 28.425.270 đồng) = 451.276.270 đồng.

[7] Về chi phí thẩm định: Chi phí thẩm định trong giai đoạn xét xử phúc thẩm là 18.990.000 đồng, do thẩm định có thay đổi về khối lượng đất san lấp thấp hơn ban đầu, nên nguyên đơn Nhỏ phải chịu.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn N1 không phải chịu.

[9] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ một phần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các phần khác của quyết định trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N1.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 11/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 357; Điều 513, Điều 517; Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út N.

1. Buộc bà bà Đỗ Thị N1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út N số tiền đổ đất san lấp mặt bằng còn nợ là 451.276.270 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thẩm định tại chỗ:

2.1 Ở giai đoạn sơ thẩm: Bị đơn Đỗ Thị N1 phải chịu số tiền chi phí thẩm định là 700.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này theo biên lai số T090 ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên vì vậy bị đơn có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Văn Út N.

2.2. Ở giai đoạn phúc thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn Út N phải chịu 18.990.000 đồng, do bị đơn Đỗ Thị N1 đã nộp, nguyên đơn Nguyễn Văn Út N có trách nhiệm nộp để hoàn trả cho bị đơn Đỗ Thị N1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 005490, ngày 01/08/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

3.2. Bị đơn bà Đỗ Thị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Đỗ Thị N1 không phải chịu do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, do đó bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thành